

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày 05-02-2021

V/v Tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Vân Thuý

Bà Bùi Thị Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuý Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 212/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A, nơi cư trú: Thôn 4, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, nơi cư trú: Thôn 4, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 06/03/2018); có mặt;

Bị đơn: Anh Hoàng Phú C, nơi cư trú: Thôn 4, xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ Đỗ Thị D, nơi cư trú: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Đỗ Thị D: Bà Hoàng Thị E, nơi cư trú: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 24/01/2019); có mặt.

Người kháng cáo: Anh Hoàng Phú C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Phạm Thị A và anh Hoàng Phú C ly hôn từ năm 2017. Trong thời kỳ hôn nhân, chị A và anh C tạo lập được khối tài sản chung như sau:

Về đất ở: Diện tích đất ở 381m², thửa số 486, tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 360742, số vào sổ cấp GCN: CH 00499 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 23/4/2012 chủ sử dụng là ông Hoàng Phú C và vợ là Phạm Thị A. Nguồn gốc diện tích đất do cụ Hoàng Phú F và cụ Đỗ Thị D tặng cho hai vợ chồng. Trên đất có các tài sản do cụ F và cụ D xây dựng gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian tường vôi xi, lợp ngói Proximăng xây năm 1974, diện tích 56m²; 01 nhà ở cấp 4 xây gạch pabanh, lợp ngói Proximăng, xây năm 2007, diện tích 18,2m²; 01 bể nước thể tích 6m³; 01 nhà bếp cũ, 01 chuồng lợn cũ; tường bao sân công.

Sau khi kết hôn, chị A và anh C xây dựng thêm được các tài sản chung như sau: Công trình phụ trên đất gồm: 01 nhà bếp, mái bằng, ốp gạch men lưng diện tích 8,64 m²; 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh mái bằng, ốp gạch men lưng tường diện tích 8,91 m²; 01 điều hòa DaiKin; 01 máy giặt SamSung; 01 Tivi LG; 01 xe máy Airblade; 01 bình nóng lạnh Ariston; 01 máy lọc nước; 01 Bếp ga đôi Taka; 01 Bộ nhang án; 01 Nồi cơm điện; 01 chạn bát nhôm kính.

Trước khi ly hôn, chị A và anh C đã đến trụ sở UBND xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên thống nhất kê khai và thỏa thuận tài sản chung tại đơn đề nghị ngày 14/8/2017 có sự chứng thực của cán bộ tư pháp và UBND xã Kiên Bái với nội dung: Anh C và chị A có tài sản chung là diện tích đất ở 381m² do bố mẹ anh C tặng cho tại thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng và một số tài sản chung khác như: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, xe máy... Anh C và

chị A thống nhất thỏa thuận: Chị A sẽ quản lý, sử dụng các tài sản như Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, xe máy... Đối với tài sản là đất ở sẽ để lại cho 02 con chung là Hoàng Bảo An và Hoàng Quỳnh Giao mỗi con 100 m² phần đất còn lại sẽ do anh C quản lý sử dụng.

Sau khi ly hôn, chị A và anh C không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị A và anh C nói trên theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Đối với Diện tích đất ở 381m² tại Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là do cụ Hoàng Phú F và vợ là cụ Đỗ Thị D tặng cho chị A, anh C trong thời kỳ hôn nhân nên chị A yêu cầu Tòa án chia cho anh C 02 phần và chia cho chị A 01 phần. Do hiện tại chị A đang nuôi 02 con chung và không có chỗ ở nên chị yêu cầu Tòa án chia đất ở bằng hiện vật để chị A có nơi ăn ở và nuôi 02 con chung. Đối với tài sản còn lại chị yêu cầu Tòa án chia đôi theo quy định của pháp luật.

Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng Phú C trình bày:

Tài sản chung của anh C và chị A trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà bếp, mái bằng, ốp gạch men lưng diện tích 8,64 m²; 01 nhà tắm, 01 nhà vệ sinh mái bằng, ốp gạch men lưng tường diện tích 8,91 m²; 01 điều hòa DaiKin; 01 máy giặt SamSung; 01 Tivi LG; 01 xe máy Airblade; 01 bình nóng lạnh Ariston; 01 máy lọc nước; 01 bếp ga đôi Taka; 01 bộ nhang án; 01 nồi cơm điện; 01 chạn bát nhôm kính.

Đối với diện tích đất ở 381m², thửa số 486, tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian tường vôi xi, lợp ngói Proximăng xây năm 1974, diện tích 56m²; 01 nhà ở cấp 4 xây gạch pabanh, lợp ngói Proximăng, xây năm 2007, diện tích 18,2m²; 01 bể nước thể tích 6m³; 01 nhà bếp cũ, 01 chuồng lợn cũ; tường bao sân công là của bố mẹ anh C là cụ Hoàng Phú F và cụ Đỗ Thị D. Bố mẹ anh C để lại cho anh C sử dụng và thờ cúng tổ tiên, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Năm 2018, ngôi nhà cấp 4 ba gian cũ bị đổ nên gia đình anh C đã xây dựng ngôi nhà 01 tầng khung cột chịu lực mái bằng bê tông cốt thép để thờ cúng cụ F và tổ tiên. Nay chị A yêu cầu chia diện tích đất nói trên anh C không đồng ý.

Ngoài ra anh C cho rằng chữ ký “D” và dấu vân tay ở mục Bên A trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 23/03/2012 là không phải là chữ ký và dấu vân tay của cụ

D. Anh C yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký và dấu vân tay nói trên để có căn cứ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Đỗ Thị D khai:

Diện tích đất ở 381m², thửa số 486, tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng là đất do các cụ để lại cho cụ Hoàng Phú F và trước khi cụ F mất thì để lại cho anh C sử dụng và thờ cúng. Trên đất có các tài sản do cụ F và cụ D xây dựng gồm: 01 nhà cấp 4 ba gian tường vôi xi, lợp ngói Proximăng xây năm 1974, diện tích 56m²; 01 nhà ở cấp 4 xây gạch pabanh, lợp ngói proximăng, xây năm 2007, diện tích 18,2m²; 01 bể nước thể tích 6m³; 01 nhà bếp cũ, 01 chuồng lợn cũ; tường bao sân cổng. Khi anh C lấy chị A về chỉ tham gia xây dựng thêm phần công trình phụ và sửa chữa một số vật dụng trong gia đình. Nay chị A yêu cầu chia diện tích đất nói trên, cụ D không đồng ý phân chia.

Ngoài ra cụ D cho rằng chữ ký “D” và dấu vân tay ở mục Bên A trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 23/03/2012 là không phải là chữ ký và dấu vân tay của cụ D. Cụ D yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký và dấu vân tay nói trên để có căn cứ giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 212/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau:

1. Chị Phạm Thị A được quản lý, sử dụng diện tích đất 102,3m² và toàn bộ công trình trên phần đất được giao gồm: 01 nhà cấp 4 xây năm 2007; 01 nhà bếp; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà tắm, thuộc một phần của thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 360742, số vào sổ cấp GCN: CH 00499 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 23/4/2012 thể hiện tại các mốc giới: 1,2,3,9,8,7 và 1 (có sơ đồ kèm theo). Chị Phạm Thị A được quản lý, sử dụng: 01 điều hòa DaiKin; 01 máy giặt SamSung; 01 Tivi LG; 01 xe máy Airblade; 01 Bình nóng lạnh Ariston; 01 máy lọc nước; 01 Bếp ga đôi Taka; 01 Nồi cơm điện; 01 chạn bát nhôm kính.

Chị Phạm Thị A được nhận 46.250.000 đồng tiền chênh lệch tài sản chung do anh Hoàng Phú C thanh toán.

2. Anh Hoàng Phú C được quản lý, sử dụng diện tích đất 278,7m² và toàn bộ tài sản công trình trên phần đất được giao, thuộc một phần của thửa đất số

486, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 360742, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00499 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 23/4/2012 thể hiện tại các mốc giới: 3,4,5,6,7,8,9 và 3 (có sơ đồ kèm theo). Anh Hoàng Phú C được quản lý sử dụng 01 bộ Nhang án thờ.

Anh Hoàng Phú C phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho chị Phạm Thị A là: 46.250.000 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, anh Hoàng Phú C kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại bản án của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn đề nghị giám định dấu vân tay của cụ F và cụ D trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 23/3/2012.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng để giám định dấu vân tay theo đơn của anh C nhưng đã hết thời hạn nộp tiền, anh C không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Quý xác nhận cụ D và cụ F đã có hợp đồng tặng cho anh và chị A diện tích đất ở 381m², thửa số 486, tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Anh C và chị A đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 360742, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00499 ngày 23/4/2012 mang tên chủ sử dụng là ông Hoàng Phú C và vợ là Phạm Thị A. Nhưng anh Quý không đồng ý chia tài sản cho chị A vì vợ chồng đã ly hôn, anh không cho chị A ở trên đất của gia đình anh. Anh Quý đồng ý cho hai con chung của anh và chị A mỗi con 100m² đất, và anh là người quản lý tài sản đến khi hai con đủ 18 tuổi thì sẽ chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho hai con.

Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với ý kiến của bị đơn và yêu cầu cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

Người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày cụ D chỉ cho bị đơn là anh Quý ở nhờ để thờ cúng tổ tiên chứ không tặng cho.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu điều tra xác minh thể hiện nguồn gốc diện tích đất 381 m² là đất thổ cư của cụ Pháo và cụ The . Năm 2012, cụ Pháo và cụ The ký hợp đồng tặng cho vợ chồng anh Quý và chị Hải . Việc lập cho được lập thành văn bản, có sự chứng thực của UBND xã Kiền Bái , huyện Thủy Nguyên và theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định . Anh Quý cho rằng chữ ký “D” và dấu vân tay trong hợp đồng tặng cho không phải của cụ The nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh . Vì vậy, Tòa án sơ thẩm xác định diện tích đất 381 m² là tài sản chung của vợ chồng anh Quý , chị Hải là có căn cứ , đúng quy định của pháp luật.

Về cách chia: Xét công sức đóng góp và nguồn gốc đất thấy diện tích đất là của bố mẹ anh Quý , tặng cho vợ chồng chị Hải , anh Quý trong thời kỳ hôn nhân chứ không phải là tài sản do anh Quý , chị Hải tạo lập nên . Chị Hải hiện không có chỗ ở và nuôi hai con chung, cụ The đã già yếu và đang sinh sống với anh Quý. Mặt khác, chị Hải cũng có nguyện vọng chia diện tích đất trên thành 03 phần, chị Hải 01 phần, anh Quý 02 phần, các đương sự nhận bằng hiện vật . Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chia cho anh Quý 02 phần, chị Hải 01 phần diện tích đất , chia đôi các tài sản chung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Quý , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Quý từ chối người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Mạnh Hùng và tham gia tố tụng không có người đại diện.

- Xét kháng cáo của anh Hoàng Phú C về việc không đồng ý chia tài sản cho chị A và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của cụ D:

[2] Người đại diện theo ủy quyền của cụ D cho rằng cụ D chỉ cho anh Quý sử dụng và thờ cúng tổ tiên, không phải là tài sản chung anh C, chị A có trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 23 tháng 3 năm 2012 thể hiện bên cho tặng là cụ Hoàng Phú F và cụ Đỗ Thị D (bên A), bên nhận cho tặng là anh Hoàng Phú C và chị Phạm Thị A (bên B). Tài sản tặng cho là diện tích đất 381m² tại thửa đất số 486 tờ bản đồ 04, địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng cùng tài sản nhà cấp 4 diện tích 54m². Tại điều khoản cuối cùng, cụ F và cụ D đã ký tên và điểm chỉ bằng dấu vân tay. Hiện cụ F đã chết, cụ D và anh Quý cho rằng dấu vân tay trên hợp đồng này không phải là dấu vân tay của hai cụ và yêu cầu giám định dấu vân tay nhưng không nộp tiền tạm ứng chi phí tổ tụng phục vụ cho việc trưng cầu giám định theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án không thực hiện được việc giám định theo yêu cầu của anh Quý. Do vậy, không có căn cứ xác định hai dấu vân tay tại hợp đồng tặng cho này không phải là dấu vân tay của cụ F và cụ D. Mặt khác, hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên chứng thực theo quy định của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng tặng cho hợp pháp. Ngày 05 tháng 3 năm 2012, cụ F cụ D đã bàn giao đất và tài sản gắn liền với đất cho anh C chị A. Ngày 23 tháng 3 năm 2012, anh C có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cùng ngày 23 tháng 3 năm 2012, anh Quý đã kí vào trích đo bình đồ sử dụng đất ghi chủ sử dụng đất ông Hoàng Phú C và tên vợ là Phạm Thị A. Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 381m² cùng nhà ở 54m² cho anh C và chị A.

[3] Từ các chứng cứ trên thấy toà án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất ở 381m² và toàn bộ công trình trên đất, thửa số 486, tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải phòng là tài sản chung của anh C, chị A được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Và tài sản chung của vợ chồng sẽ được giải quyết theo Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận kháng cáo của anh Quý. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét nguồn gốc và công sức đóng góp trong việc hình thành tài sản chung cũng như hoàn cảnh sống thực tế của các đương sự và chia diện tích đất thành ba phần, cho anh C được quản lý, sử dụng hai phần là 254m², chị A được sử dụng một phần là 127m² cũng như quyết định các tài sản chung còn lại được chia đôi bằng hiện vật. Bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch là hợp lý và chuẩn mực về đạo lý.

[4] Tuy nhiên căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng quản lý tài sản chung, toà án cấp sơ thẩm đã giao cho anh Hoàng Phú C được quản lý, sử

dụng diện tích đất 278,7m² và toàn bộ tài sản công trình trên phần đất được giao cùng 01 bộ Nhang án thờ và chị Phạm Thị A được quản lý, sử dụng diện tích đất 102,3m² và toàn bộ công trình trên phần đất được giao gồm 01 nhà cấp 4 xây năm 2007; 01 nhà bếp; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà tắm; 01 điều hòa DaiKin; 01 máy giặt SamSung; 01 tivi LG; 01 xe máy Airblade; 01 bình nóng lạnh Ariston; 01 máy lọc nước; 01 bếp ga đôi Taka; 01 nồi cơm điện; 01 chạn bát nhôm kính nhưng anh C có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về đất cho chị A là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59, điểm d khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Phú C.
2. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 212/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị A:

Chị Phạm Thị A được quản lý, sử dụng diện tích đất 102,3m² và toàn bộ công trình trên phần đất được giao gồm: 01 nhà cấp 4 xây năm 2007; 01 nhà bếp; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà tắm, thuộc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 360742, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00499 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 23/4/2012 mang tên Hoàng Phú C và Phạm Thị A. Thể hiện tại các mốc giới: 1,2,3,9,8,7 và 1 (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Chị Phạm Thị A được quản lý, sử dụng: 01 điều hòa DaiKin; 01 máy giặt SamSung; 01 Tivi LG; 01 xe máy Airblade; 01 Bình nóng lạnh Ariston; 01 máy lọc nước; 01 Bếp ga đôi Taka; 01 Nồi cơm điện; 01 chạn bát nhôm kính.

Chị Phạm Thị A được nhận 46.250.000 đồng tiền chênh lệch tài sản chung do anh Hoàng Phú C thanh toán.

Anh Hoàng Phú C được quản lý, sử dụng diện tích đất 278,7m² và toàn bộ tài sản công trình trên phần đất được giaothuộc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 360742, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00499 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 23/4/2012 mang tên Hoàng Phú C và Phạm Thị A. Thể hiện tại các mốc giới: 3,4,5,6,7,8,9 và 3 (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Anh Hoàng Phú C được quản lý sử dụng 01 bộ Nhang án thờ.

Anh Hoàng Phú C phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho chị Phạm Thị A là 46.250.000 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh Hoàng Phú C và chị Phạm Thị A có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên để đăng ký lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho anh Hoàng Phú C và chị Phạm Thị A theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật khi anh C và chị A có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị A phải chịu 21.054.000 đồng án phí tương ứng với phần tài sản được nhận. Chị Phạm Thị A có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử giảm ½ mức án phí phải nộp là 10.527.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008512 ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị A còn phải nộp 8.027.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Phú C phải chịu 36.220.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được nhận.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Hoàng Phú C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002478 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương.
2. Ông Đỗ Văn Mạnh.

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận về việc hoãn phiên tòa đối với vụ án thụ lý số 755/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Múc, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Phú C sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Múc, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có mặt. Bị đơn là anh Hoàng Phú C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử thảo luận về việc vắng mặt của bị đơn như sau:

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về nội dung: Quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 755/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2016 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Thời gian mở lại phiên toà được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Mạnh - Nguyễn Thị Lương

Lương Ngọc Anh